

Những bất cập trong phương pháp tính thuế và quy trình hoàn thuế GTGT

Th.S.Trần Anh Tuấn & CN.Châu Quốc An - Viện Kinh tế TP. HCM

Thời gian qua, vấn đề gian lận về thuế giá trị gia tăng (GTGT) đã xảy ra hết sức nghiêm trọng, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước, làm giảm niềm tin của các cá nhân, doanh nghiệp làm ăn chân chính đối với chính sách thuế của nước ta. Do đó, bài viết này đề cập đến hai nội dung chính trong Luật Thuế GTGT, đó là Phương pháp tính thuế và quy trình hoàn thuế. Hai nội dung này có liên quan rất nhiều đến phương thức vận hành và quản lý về Thuế GTGT ở nước ta hiện nay. Sự hoàn thiện về mặt nội dung của hai vấn đề này chính là sự hoàn thiện trong công tác quản lý về thuế GTGT, nhằm tránh sự thất thoát về số thuế phải thu và gian lận thuế GTGT trong thời gian tới. Phương pháp tính thuế và quy trình hoàn thuế được quy định cụ thể trong Thông tư 122/2000/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2000 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 79/2000/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2000 và Thông tư 82/2002/TT-BTC ngày 18/9/2002 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 122/2000/TT-BTC ngày 29/12/2000 hướng dẫn thi hành Nghị định số 79/2000/NĐ-CP ngày 29/12/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng.

I. PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ

Theo pháp luật của luật thuế GTGT ở nước ta quy định, có hai phương pháp tính thuế tương ứng với hai loại hoá đơn chứng từ:

- Phương pháp tính thuế trực tiếp trên phần giá trị tăng thêm. Phương pháp này được áp dụng cho tất cả các cá nhân sản xuất kinh doanh, tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam chưa thực hiện đầy đủ các điều kiện về hoá đơn, chứng từ và một số cơ sở, đơn vị kinh doanh vàng bạc, đá quý và một số hàng mang tính đặc thù.

- Phương pháp khấu trừ áp dụng cho các doanh nghiệp đã áp dụng đầy đủ chế độ hoá đơn chứng từ.

Thuế GTGT = Thuế GTGT đầu ra – thuế GTGT đầu vào

Nếu Thuế GTGT đầu ra bằng với thuế GTGT đầu vào thì doanh nghiệp không phải nộp thuế.

Nếu thuế GTGT đầu ra nhỏ hơn thuế GTGT đầu vào thì doanh nghiệp được xem xét hoàn thuế.

Từ đó cho thấy, khi doanh nghiệp muốn giảm lượng thuế phải nộp hoặc muốn được xem xét hoàn thuế thì doanh nghiệp kéo thuế GTGT đầu ra xuống. Đây chính là cơ sở cho các đối tượng làm ăn phi pháp (trốn thuế hoặc muốn rút tiền ngân sách Nhà nước) thực hiện ý đồ của mình.

II. QUY TRÌNH HOÀN THUẾ

2.1. Đối tượng và trường hợp hoàn thuế

a/ Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ được xét hoàn thuế trong những trường hợp sau:

- Cơ sở kinh doanh trong 3 tháng liên tục trở lên có lũy kế số thuế đầu vào được khấu

trừ lớn hơn số thuế đầu ra được hoàn thuế.

- Cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hóa xuất khẩu nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế GTGT theo tháng hoặc theo chuyên.

b/ Cơ sở kinh doanh mới thành lập, đầu tư tài sản có đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ nhưng chưa phát sinh doanh thu bán hàng để tính thuế GTGT đầu ra, nếu thời gian đầu tư từ 1 năm trở lên thì được xét hoàn thuế theo từng năm. Số thuế GTGT đầu vào của tài sản đầu tư được hoàn có giá trị lớn từ 200 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo từng quý.

c/ Cơ sở kinh doanh quyết toán thuế khi sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản có thuế GTGT nộp thừa.

d/ Cơ sở kinh doanh được hoàn thuế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo qui định của pháp luật.

e/ Đối với các dự án sử dụng vốn ODA

2.2. Hồ sơ hoàn thuế GTGT

- Đối với các đối tượng ở nhóm a và b trong phần 2.1, thì phải làm công văn đề nghị hoàn thuế GTGT theo mẫu số 10. Đối với trường hợp hoàn thuế theo tháng hay theo chuyên, công văn đề nghị hoàn thuế GTGT phải ghi rõ số tờ khai hàng hóa xuất nhập khẩu và số hợp đồng xuất khẩu (đối với trường hợp trực tiếp xuất khẩu) hay hợp đồng ủy thác xuất khẩu (đối với trường hợp xuất khẩu ủy thác).

- Bảng kê khai tổng hợp số thuế phát sinh đầu ra, số thuế đầu vào được khấu trừ, số thuế đã nộp (nếu có), số thuế đầu vào lớn hơn số thuế đầu ra đề nghị hoàn lại.

- Bảng kê hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra trong kỳ liên quan đến việc xác định thuế GTGT đầu vào, đầu ra (mẫu số 2,3,4 GTGT).

2.3. Trách nhiệm của đối tượng được hoàn thuế GTGT

- Lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế gửi cơ quan thuế

- Phải cung cấp hồ sơ hoặc giải trình theo yêu cầu của cơ quan thuế trong trường hợp hồ sơ không rõ ràng hoặc không đầy đủ.

- Lưu giữ hồ sơ xin hoàn thuế tại doanh nghiệp

- Chịu trách nhiệm về tính trung thực của hồ sơ xin hoàn thuế, mọi trường hợp sai sót nếu kiểm tra, phát hiện đều bị truy thu về thuế. Tùy theo nguyên nhân và mức độ vi phạm sẽ bị phạt hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo luật.

2.4. Thẩm quyền và trình tự giải quyết hoàn thuế GTGT

Trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc hoàn thuế

- Tiếp nhận hồ sơ xin hoàn thuế của doanh nghiệp

- Kiểm tra hồ sơ, xác định số hoàn thuế.

- Kiểm tra bảng kê khai tổng hợp số thuế GTGT đầu ra, số thuế GTGT đầu vào phát sinh được khấu trừ, đối chiếu với bảng kê chi tiết.

- Xác định số thuế được hoàn.

Trong vòng 15 ngày, cơ quan thuế có trách nhiệm xem xét hồ sơ và hoàn thuế cho cơ sở, kể

từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị của cơ sở gửi đến. Trường hợp cần kiểm tra, xác minh hoặc cần bổ sung hồ sơ trước khi hoàn thuế thì thời gian tối đa là 30 ngày.

III. NHỮNG HẠN CHẾ CỦA PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ VÀ QUY TRÌNH HOÀN THUẾ GTGT

3.1. Đối với phương pháp tính thuế

Theo pháp luật về thuế GTGT, chỉ khi những đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ mua hàng hoá, dịch vụ từ những đơn vị cũng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ và có lập hoá đơn GTGT hợp pháp thì mới có khả năng được khấu trừ thuế đầu vào một cách chính xác số thuế GTGT đúng theo bản chất của thuế GTGT. Còn trường hợp, những đơn vị nộp thuế GTGT theo phương thức trực tiếp, hoá đơn đầu vào hợp pháp nhưng không là hoá đơn GTGT mà là hoá đơn bán hàng, thì đối tượng nộp thuế không được khấu trừ hoặc được khấu trừ theo một tỷ lệ ấn định mang tính chủ quan. Vì vậy, trường hợp này đi ngược lại với bản chất của thuế GTGT mà thực chất chỉ là một phiên bản của thuế doanh thu.

Ngoài ra, đối với những trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh mua hàng không có hoá đơn chứng từ mà chỉ cần bảng kê khai (hầu như không có giá trị pháp lý) thì được khấu trừ không theo tỷ lệ nhất định (trừ một số hàng hoá không được khấu trừ không theo Nghị định 108/2002/NĐ-CP ngày 25/12/2002 của Chính Phủ). Vì vậy, đưa đến một mâu thuẫn là trong một số trường hợp số thuế đầu vào không có thật thì được khấu trừ, một số trường hợp khác là số thuế đầu vào có thật thì không được khấu trừ hoặc chỉ được khấu trừ một phần. Do đó, để khắc phục tình trạng này cần phải đi đến một phương pháp tính thuế thống nhất, một loại hoá đơn thống nhất để trả lại đúng bản chất của thuế GTGT, tức là cần phải tiến đến việc sử dụng phương pháp khấu trừ cho mọi đối tượng.

3.2. Đối với quy trình hoàn thuế

- Việc quy định “hoàn thuế trong trường hợp có quyết định xử lý hoàn thuế của cơ quan có Nhà nước có thẩm quyền” là một quy định làm mất định tính thực thi của Luật Thuế GTGT. Hơn nữa với quy định này sẽ dẫn đến tình trạng lạm dụng và tùy tiện trong quá trình quyết định hoàn thuế.

- Trong trường hợp ngành thuế nghi ngờ doanh nghiệp gian lận thuế GTGT, cần có thời gian để xác minh thì thời hạn 15 ngày là không đủ, bởi vì việc xác minh các hóa đơn mất rất nhiều thời gian, thậm chí không được cơ quan thuế các địa phương phản hồi. Theo báo cáo của cơ quan thuế thì có khoảng 50% số hồ sơ gửi đi xác minh là được phản hồi. Trong trường hợp này ngành thuế buộc phải hoàn thuế cho doanh nghiệp. Do bức xúc với tình trạng ngân sách nhà nước bị rút ruột do gian lận thuế GTGT, hiện nay cơ quan thuế chỉ đảm bảo hoàn thuế theo thời hạn 15 ngày trong những trường hợp thanh toán qua ngân hàng, những trường hợp xuất khẩu tiêu ngạch qua biên giới hoặc thanh toán bằng tiền mặt thì ngành thuế không đảm bảo thời hạn 15 ngày. Điều này lại dẫn đến tình trạng vi phạm luật.

- Việc hoàn thuế GTGT dựa trên những hóa đơn chứng từ đã có, còn tính trung thực của các hóa đơn chứng từ này (đã phát sinh từ 3 tháng trước đó) thì không được xác minh đầy đủ. Đây là thời gian đủ để các doanh nghiệp thực hiện phi vụ lừa đảo rồi bỏ trốn. Vì vậy cần phải thực hiện việc kiểm tra, ngăn chặn từ xa chứ không phải chờ đến khi doanh nghiệp xin hoàn thuế GTGT.

- Việc chấp nhận khấu trừ không đối với các loại hàng nông, lâm, thủy hải sản mua của nông dân trên cơ sở thiết lập bảng kê là kẻ hở để các doanh nghiệp gian lận thuế giá trị gia tăng.

- Hiện nay có hai hình thức phổ biến gian lận thuế GTGT để xin hoàn thuế:

Thứ nhất, nguy tạo hồ sơ xuất khẩu. Trường hợp này phải có sự đồng lõa giữa doanh nghiệp và một số cán bộ hải quan cửa khẩu. Hồ sơ xin hoàn thuế phải kèm theo bảng kê chứng từ chứng minh xuất khẩu. Nếu hải quan không xác nhận thì doanh nghiệp không thể nào gian lận và xin hoàn thuế được.

Thứ hai, nguy tạo hồ sơ nộp thuế GTGT đầu vào trong trường hợp có hàng hóa thực để xuất khẩu nhưng không nộp thuế GTGT đầu vào.

Trong hai trường hợp này đều nảy sinh vấn đề mua, bán hóa đơn.

- Ngành thuế chưa thực hiện hết chức năng của mình trong trường hợp thực hiện trách nhiệm xử phạt hành chính đối với các trường hợp gian lận thuế GTGT. Nếu cơ quan thuế thực hiện nghiêm chỉnh việc phạt tiền từ 1 – 5 lần số tiền thuế gian lận, thì doanh nghiệp cũng đủ tán gia bại sản.

- Chưa hoàn thiện việc quản lý, kiểm tra thuế bằng máy tính. Đặc biệt là sự kết nối giữa 3 cơ quan Sở Kế hoạch và Đầu tư, Công an và Cơ quan thuế chưa được triển khai triệt để. Ba cơ quan này chưa cung cấp kịp thời các thông tin chính xác về doanh nghiệp, thân nhân của doanh nghiệp trong quá trình thành lập cũng như trong hoạt động kinh doanh. Điều này đã làm giảm hiệu quả về việc thực thi chức năng giám sát, theo dõi các doanh nghiệp của chính các cơ quan trên.

- Luật pháp Việt Nam chưa có những quy định thật cụ thể về nghĩa vụ lập hoá đơn GTGT khi bán hàng hoá, dịch vụ có giá trị thấp dưới mức quy định (100.000 đ). Hơn nữa, đối với người mua là người tiêu thụ cuối cùng những hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế GTGT thì hoàn toàn không có quyền lợi gì trong việc yêu cầu bên bán phải thực hiện nghĩa vụ lập hoá đơn. Khi bên bán không thực hiện nghĩa vụ lập hoá đơn thì quyền lợi của Nhà nước bị xâm hại. Vì vậy, Nhà nước cần phải bảo vệ quyền lợi của mình bằng cách bắt buộc bên bán phải lập hoá đơn.

Bên cạnh những nguyên nhân trên, thì lưu ý những thủ đoạn thường gặp sau đây của một số đối tượng gian lận việc hoàn thuế GTGT:

- Bán hàng không xuất hoá đơn để che dấu doanh thu đầu ra, làm cơ sở cho việc tính thuế GTGT, nhằm chiếm đoạt số tiền thuế GTGT người mua đã nộp cho người bán.

- Giá cả và số lượng khi xuất hoá đơn bán hàng ghi trong liên lưu nhỏ hơn liên giao.

- Không có giao dịch, nhưng “bên bán” thông đồng với bên mua vẫn xuất hoá đơn ghi và giao cho “bên mua”, nhằm hợp thức hoá số hàng đầu vào cho “bên mua” khi khấu trừ hoặc hoàn thuế.

- Thông đồng với các doanh nghiệp xuất khẩu lập hoá đơn không để kê khai hoàn thuế khi xuất khẩu, sau đó chi nhau số tiền hoàn thuế.

Từ những nguyên nhân và thủ đoạn gian lận thuế trên, chúng tôi xin kiến nghị một số giải pháp sau, nhằm giảm thiểu sự gian lận về thuế GTGT trong thời gian tới.

IV. NHỮNG KIẾN NGHỊ VỀ HOÀN CHỈNH QUY TRÌNH

Quy trình hoàn thuế được xây dựng dựa trên luật thuế GTGT. Sửa đổi quy trình hoàn thuế đòi hỏi phải sửa đổi luật thuế GTGT. Trước mắt, cần thực hiện những vấn đề sau:

- Quy trình hoàn thuế GTGT dựa trên quan điểm doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo cơ chế tự khai báo thuế và tự nộp thuế; doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về tính trung thực về số

thuế đã nộp. Dựa trên quan điểm này thì qui trình hoàn thuế được xây dựng trên cơ sở hoàn thuế trước, kiểm tra sau. Vấn đề đặt ra là nếu doanh nghiệp vi phạm thì nhà nước phải xử lý, nếu nhà nước không xử lý được thì đó là trách nhiệm của nhà nước. Luật thuế đã qui định những trường hợp xử phạt, trong đó gian lận thuế GTGT bị phạt từ 1 – 5 lần giá trị gian lận; trốn thuế với số lượng lớn hoặc đã bị xử phạt về vi phạm hành chính về thuế mà còn có hành vi tiếp tục vi phạm nghiêm trọng khác thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Như vậy, qui trình hoàn thuế theo cơ chế hoàn thuế trước, kiểm tra sau là phù hợp.

Mặc dù Ngành thuế cũng đã phân loại những đối tượng cần thực hiện việc kiểm tra, thanh tra trước, hoàn thuế sau; đối tượng cần được hoàn trước rồi mới kiểm tra, thanh tra sau theo Thông tư 82/2002/TT-BTC ngày 18/9/2002 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc thực thi còn nhiều lúng túng và phức tạp, bởi vì việc theo dõi doanh nghiệp hiện nay của Ngành thuế chỉ dựa vào các báo cáo từng thời kỳ do các doanh nghiệp gửi lên, chứ chưa theo dõi được các giao dịch của doanh nghiệp. Muốn giải quyết được tình trạng trên, ngành thuế phải thiết lập được hệ thống thông tin đến tận các doanh nghiệp đến các ban ngành – quận – huyện, để có thông tin kịp thời về các giao dịch của doanh nghiệp. Từ đó, có thể hạn chế được tối đa tình trạng gian lận thuế.

- Việc quản lý hoá đơn kê khai thuế cần phải thực hiện bằng hệ thống máy tính trên toàn quốc để truy cập, xác minh hoá đơn một cách thuận lợi và nhanh gọn. Do đó, ngành thuế cần phải phát triển hệ thống mạng giữa các tỉnh, thành phố nhằm xác định đúng số thuế GTGT kê khai khấu trừ, hoàn thuế; phát hiện kịp thời hoá đơn đã thông báo không còn giá trị sử dụng.

- Khấu trừ không: nên bỏ khấu trừ không.

- Cơ quan thuế cần làm tốt chức năng xử phạt hành chính. Cần nghiêm khắc phạt và phạt nặng những đối tượng cố tình gian lận làm giảm số thuế phải nộp. Trường hợp cố tình làm giầy tờ giả để được khấu trừ thuế cần phải truy cứu trách nhiệm hình sự chứ không đơn thuần chỉ xử phạt hành chính như hiện nay.

- Thực hiện đồng bộ giữa luật thuế GTGT và các luật có liên quan.

- Giáo dục người dân nhận thức được tầm quan trọng của hoá đơn khi đi mua sắm: người tiêu dùng cần phải lấy hoá đơn khi mua sắm bất kỳ hàng hoá nào nhằm tránh những hành động gian lận về thuế, giúp nhà nước thu đủ số thuế.

- Một số cán bộ trong ngành thuế, Hải quan chưa làm tròn và đúng vai trò, nhiệm vụ của mình. Trong một số trường hợp đã thông đồng với các đối tượng gian lận thuế, làm mất tiền của Nhà nước. Thiết nghĩ công tác cán bộ trong các ngành Thuế và Hải quan phải được đặt lên hàng đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.